

VIẾT CHO NGƯỜI "ĐÃ CHẾT"

(Bài 28)

***/ Chuyện Rất Đồi Nay Xen Lẫn Chuyện Đồi Xưa.**

I.

Nha Trang, thứ Ba, June 20/2017.

Ra Nha Trang đã mấy ngày rồi nhưng mọi thứ rối beng, chưa ngòi vào bàn được.

Anatole France¹ đã viết: *"Tất cả những thay đổi trong đời, kể cả những thay đổi mà ta mong ước nhất, cũng đều đem lại nỗi buồn."*

Lời đó thật đúng!

(TTBG thêm): *"Nhưng nếu không có sự đổi thay thì cuộc đời còn buồn đến chừng nào mà nói!"*

Hôm nay định nghĩ ra một câu chuyện nhỏ dễ thương viết vào đây, nhưng bị nghẽn ngay vì hai cái thư *email* của hai người thuê phòng, càm ràm lẫn nhau, đưa đến tôi, nhờ giải quyết.

Chuyện nước Mỹ, ôi! Chuyện nước Mỹ lúc nào cũng làm tôi chán ghét! Tưởng "chạy trốn" được chút ít, không ngờ nó vẫn đeo theo mà "làm phiền" cho đến tận bên kia bờ đại dương!

Văn Chương chỉ là để phơi bày những điều hay nổi đẹp. Vậy mà thật tội nghiệp cho người Văn Chương lúc nào cũng chỉ "bị nghe" những chuyện xấu, chuyện buồn!

Rõ ràng *"người giam chí lớn vòng cơm áo!"* thật là đáng chán!

Cái "chí lớn" cứ phải bị hụt hao mòn mỏi đi bởi ba cái chuyện vật chất áo cơm!

Ngôi nhà những-người-trăm-năm-cũ, mua tháng 11/1997, sau khi bị chủ nhà mới của ngôi nhà Một Truyện Dài Không Có Tên đuổi đi.

Đó chính là nơi Uyên Thao và Thanh Thương Hoàng tìm đến gặp TTBG lần thứ nhất; là nơi ôm ấp kỷ niệm của ba mẹ con bà cháu đến 20 năm trời. Nơi, có những người đã đến rồi đã ra đi; có những người đã sống rồi cũng đã chết.

¹ Anatole France, nhà văn Pháp, (1844-1924), tác giả tuyển tập *Lettres à Mon Moulin* nổi tiếng.

Dấu ấn dày đến chùng ngập lụt ký ức. Nếu ngồi tĩnh tâm nhớ lại, dữ liệu về nơi chốn này cũng có thể viết thành được cả pho sách dày về nước Mỹ và những con người sống trong nước Mỹ.

Đó là cuộc đời! Là xứ Huê Kỳ!

Và trong cái vòng “nước-Mỹ-cuộc-đời” ấy, tôi cứ bị quay mòng mòng đến gần ¼ thế kỷ. Phí hoài thời gian, để, lúc nào cũng nhớ đến câu thư than thở của Dostoievski với Mikhail, người anh lớn:

“Thật đáng thương cho một kẻ nhận thức được năng lực rộng lớn trong chính hắn mà lại thấy năng lực ấy bị tiêu pha trong những hành động vô bổ, trái ngược với điều tự nhiên hắn mơ ước (...); trong một cuộc đời thích hợp cho một kẻ lùn mà không là người khổng lồ, cho một đứa trẻ mà không là người lớn... “Ô anh thân yêu! Tự do là điều vĩ đại! (...) Cách này hay cách khác, tâm hồn em đang trương phồng ra, đến nỗi em nghĩ có thể hiểu được rõ ràng những điều cao quý của cuộc đời.”

Tự do là điều vĩ đại...

Để có được cái tự do ấy, nhiều phen tôi đã đánh đổi đến phải trắng tay mà cũng không chụp bắt được. Lại cứ đi tìm, đi tìm hoài trong triền miên hy vọng rồi thất vọng. Chẳng dám nói với ai nỗi niềm trắc trở. Chỉ biết “than” với “*người Văn Chương*” bất cứ khi nào cảm thấy tâm hồn bất an theo ba cái chuyện ruồi bu chung quanh.

Làm nhà văn có chỗ thích là như vậy. Cái gì cũng trút ra trên chữ nghĩa. Cái gì cũng “bắt” người Chữ Nghĩa phải lắng nghe trong trân trọng. Nhờ vậy mà qua được, mà tiếp tục đối đầu với một biến cố khác và đợi chờ một hy vọng khác.

Trong cuộc nhân sinh nhỏ bé, thấy xảy ra vô vàn biến cố; cú này đỡ chưa xong đã phải đối đầu với một cú khác lù lù xuất hiện tiếp theo ngay.

II.

Đọc vài bài thơ của anh Ma Xuân Đạo để tìm thú vị. Chữ nghĩa người thiên cổ nói lên giùm tấm lòng của vô số người hiện đại. Bây giờ mới nhận thấy câu nói năm nào nơi quán *café* ven đường Senter về “*cái lớn lao mà chữ nghĩa của một chứng nhân thời đại sẽ lưu lại mai sau*” là thật chính xác.

ĐI MỘT MÌNH

Đồng hành đời thêm bạn

Đổi ẩm tiệc mất vui

Thơ làm rồi lại họa

Rượu rót xong tự mời

*Chẳng mua đời ai cả
 Chẳng bán mình cho ai
 Dâu biển lòng không động
 Phật Tiên cũng thế thôi!*
 (1986).
 []

KHÔNG HỘ KHẨU

*Tôi chôn chân phố thị
 Ai dẫn bước bong biển
 Đất hiểm ai nuôi hận
 Thành yên tôi lánh mình*

*Thành phố này quê tôi
 Như nước này nước tôi
 Nay vì đâu không gốc
 Bị xua tới đuôi lui.*

*Tôi vẫn mong hòa điệu
 Trong một khúc ca chung
 Để hồi sinh đất nước
 Sau giông tố bão bùng.*

*Giờ không còn đất sống
 Giữa nước mình lưu vong
 Hóa ra lời tôi hát
 Bản du ca cuối cùng²
 []*

² Bản Du Ca Cuối Cùng Của Những Người Không Còn Đất Sống, một tác phẩm tiểu thuyết của Erich-Maria Remarque (nhà văn Đức, 1898–1970).

NÉM SÁCH TRONG CƠN SAY

*Có khổ nào không nhục
Có nghèo nào chẳng hèn
Ở nhà người cúi mặt
Dời mộ cha không tiền*

*Phiếu Mẫu chê tuổi luống
Mạnh Thường chán vận đen
Đi qua làm mặt lạ
Ngoảnh lại hóa người quen*

*Bảo Thúc chìm thiên cổ
Quỳnh Như mộng hão huyền
Trắng tay chưa trắng mắt
Đáy bể vẫn mò kim.*

*Cày cuốc xưa không học
Bán buôn giờ chẳng chuyên
Ích gì trang sách nát
Nghiền ngấm mãi ngày đêm.*

*Đã khó bề nuôi miệng
Còn gây hệ lụy thêm
Sử kinh mà ném hết
Phú quý ắt xây nên*

*Tài trí đâu cần học
Có tiền có tuổi tên
Công khanh gương trước mắt
Thù sách ghét người hiền*

*Óc không đầy dùm chữ
Nhà vô số hoàng kim
Tài không bằng cánh muỗi
Tiếng vẫn cứ vang rền*

Ném sách liền, ném liền!
(1990).
□

NÉM SÁCH BỎ RƯỢU

*Sách đọc một đời thân chưa lập
Rượu say hằng bữa, hận còn nguyên
Đọc hoài túi rỗng, sách thêm thẹn
Say mãi danh nhơ, rượu cũng phiền.*
(1993)
□

***/ Lời “bình” của TTBG.**

Chẳng dám có lời “bình” nào ngoài sự ngậm ngùi tiếc nuối một bậc tài hoa! Thêm nữa, vài “kỷ niệm” rất linh thiêng.

Chuyện thể này:

*Một đêm Cali, lúc 2:20 sáng, đột nhiên “hưng thú”, mở trang mạng NewVietart của anh Từ Vũ bên Tây ra xem. Đã rất lâu, lâu lắm rồi không có chút thì giờ ngó đến website này. Vậy mà ma xui quỷ khiến sao đêm **July 9/2009** lại mở, để rồi, thấy đập ngay vào mắt là cái tựa “Ma Xuân Đạo Không Còn Nữa” của ông Hồ Nam nào đó ở Sài Gòn gửi đăng.*

Bài viết sai bét dữ kiện với những giọng chữ đọc kiểu “tụng kinh”, chấm phết “cực kỳ hà tiện”, TTBG chỉ trích ra đoạn này (nguyên si không sai một nét):

“Sau năm 1975 Ma Xuân Đạo bắt đầu cuộc sống “lưu linh” nay ở nhà người bạn này mai ở nhà người bạn khác đi đâu cũng kè kè cái túi đựng rượu đế. Thời kỳ này Ma Xuân Đạo làm nhiều thơ và hoàn thành tập thơ Tàn Trung Tác rồi dịch qua chữ Nho lúc này Ma Xuân Đạo chơi thân với Vương Đức Lệ suốt ngày đòi Lệ mua rượu cho uống. Vương Đức Lệ đi tù Ma Xuân Đạo đi làm nông trại rồi gặp Trần Thị Bông Giáy được nhà văn Việt kiều này in Tàn Trung Tác và trả nhuận bút bằng ít tập thơ.”

Quả thật là *không có gì đáng để “bình”*, ngoại trừ cái điều linh thiêng chợt nhận ra lúc 2:20 sáng trong ý nghĩ: **“Chính linh hồn anh Ma Xuân Đạo đã xui khiến TTBG mở ra trang NewVietart để biết rằng anh vừa mới chết trong buổi sáng cùng ngày.”**

Đáng nói thêm là lá thư của Uyên Thao gửi một tiếng đồng hồ sau đó:

“Thursday, July 9, 2009 3:00:30 AM

BG ơi,

Cảm ơn rất nhiều về việc đã cho đọc bài viết về Ma Xuân Đạo. Không biết nói gì hơn với BG về những bài như thế, ngoài sự thông cảm với tâm trạng BG, vì gần như đây cũng là tâm trạng của tôi từ nhiều năm qua đối với nhiều người cầm bút.

Tôi thấy Du Kiệt đã nói khá chính xác không chỉ về văn giới Trung Hoa hiện nay mà cả về văn giới VN nữa. Hiện tượng thiếu TRÍ TUỆ, thiếu MỘT TÁM LÒNG và thiếu cả NHÂN CÁCH có vẻ đã trở thành phổ biến từ nhiều năm qua.

*Rất muốn gửi đều đặn các sách của Tiếng Quê Hương tới BG để giữ liên lạc với nhau và cũng để thể hiện tình cảm với BG, nhưng lại **“ngại BG không muốn có tương quan nữa”** nên cứ ngập ngừng.*

Vậy bây giờ BG cho biết rõ về BG được không?

Chúc mạnh luôn.

UT

[]

Sau cùng là những dòng tiểu sử nhà thơ, Uyên Thao viết, đã đăng trên trang bìa sau của tập Tàn Trung Tác (Tiếng Quê Hương xuất bản 2003):

MA XUÂN ĐẠO sinh năm 1931 tại huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Di cư vào Nam năm 1954.

Trước ngày 30/4/1975 là giáo sư Trung học tại Sài Gòn, biên tập viên cục Vô tuyến Truyền thanh VN và biên tập viên nhật báo Chính Luận với bút hiệu “Tửu Ma”.

Đầu năm 1976 bị CSVN bắt giam và đưa đi lao động cải tạo tại trại K3 do tham gia hoạt động chống chế độ.

Ra khỏi trại tù năm 1982, trở về sống tại Sài Gòn trong điều kiện hết sức ngặt nghèo, từng qua nhiều công việc như coi kho, gác đàn, chăn bò,...

Năm 1999 đã quyết định tự hủy mình bằng thuốc ngủ nhưng được cứu thoát nhờ có người phát giác kịp.

Hiện vẫn sống tại Sài Gòn trong cảnh trôi giạt không nhà, không thân thích, không có việc làm nhất định.

Đặc biệt hơn là lời của tác giả Uyên Thao đề tựa nơi trang đầu tác phẩm Tàn Trung Tác:

*“Nếu tất cả những người xấu xa, tàn ác đều phải quên đi thì đã chẳng xuất hiện dòng văn học mà tác giả được coi là **CHÚNG NHÂN CỦA THỜI ĐẠI.**” Cho nên, dù hay dù dở, tác phẩm mình đã viết ra thì không thể chối bỏ.”*
(Ma Xuân Đạo).

□

Lại còn Bài Tựa cũng của Uyên Thao được tôi rất thích:

VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM.

Trong cuộc sống dù thất thế tận cùng hay thành đạt vẻ vang, không ai có thể tránh phút giây sẽ biến thành cát bụi. Tính chất phù du này đã thúc đẩy hình thành một ước nguyện chung luôn luôn như ngọn lửa hực nóng suốt chiều dài lịch sử loài người. Đó là ước nguyện có được cuộc sống an lành trong không khí xum vầy ấm áp giữa chia xẻ yêu thương.

Thế nhưng lịch sử đã ghi lại không ít những tháng ngày mà con người bị đọa đày, bị hành hạ bởi hành vi tàn ác bạo ngược của chính đồng loại, trong đó thời khoảng hai mươi năm thống trị của nhà Tần tại Trung Hoa cách đây 23 thế kỷ vẫn được coi là một trong những thời kỳ tiêu biểu nhất.

Với tham vọng giữ mãi chiếc ngai vàng tới muôn đời cho con cháu, Tần Thủy Hoàng đã ban hành chính sách “hiệp thư”, đốt hết sách vở không phải sách của nhà Tần, chôn sống các nho sĩ và ra lệnh diệt tộc bỏ thây giữa chợ bất kỳ kẻ nào dám cưỡng chống hoặc lên tiếng bình phẩm công việc triều đình.

Sử gia Tư Mã Thiên, người có mặt sau Tần Thủy Hoàng khoảng 80 năm, đã diễn tả ý đồ của nhà Tần là “*đốt sách bách gia để khiến dân đen trở nên ngu dốt, tàn sát các bậc hào tuấn, thu gom binh khí thiên hạ về Hàm Dương để làm suy yếu chư hầu, dựa vào tôi trung tướng giỏi, grom bèn đảo nhọn, thanh dài hào hiểm để kiểm soát và kiểm chế mọi người hầu cũng cố uy quyền.*”

Tư Mã Thiên cũng mượn lời Phàn Khoái để phát biểu bao quát về con người vua Tần và đời sống người dân thuở đó như sau: “*Vua Tần lòng beo dạ sỏi, giết người đếm không xuể, hại người kể không xiết*”.

Những lời văn gọn này không thể khắc họa toàn bộ chân dung một thời kỳ lịch sử nhưng đã gợi nhắc chính xác về cuộc sống bi đát hãi hùng của người dân trên đất Tần là những tháng ngày tối tăm và căng thẳng trong cảnh liên tục bị vây hãm giữa trăm ngàn tai họa xuất phát từ cuồng vọng của một tập thể bạo quyền không còn nhân tính.

Ma Xuân Đạo đã liên tưởng tới cảnh sống bi đát hãi hùng đó khi đối diện với thực tế đời sống Việt Nam và cũng là thực tế đời sống của chính bản thân sau thời điểm 30-4-1975. Vì thế, Ma Xuân Đạo đã chọn cho tất cả những bài thơ của mình viết bằng hai ngôn ngữ Việt – Hán, sáng tác sau thời điểm trên, một tựa chung là Thơ Viết Trên Đất Tần: TÀN TRUNG TÁC.

TÀN TRUNG TÁC do Tiếng Quê Hương ấn hành mà bạn đang có trên tay gồm 58 bài tuyển chọn từ trong số các sáng tác trên.

Trước thời điểm 30-4-1975, Ma Xuân Đạo luôn gắn bó với sinh hoạt chữ nghĩa nhưng không với tư cách cầm bút chuyên nghiệp. Anh dạy học, làm biên tập viên phát thanh, viết báo và sáng tác thơ văn, nhưng sáng tác đúng như anh từng phát biểu là “*chỉ để đọc cho bạn bè nghe trong cơn say chứ không phải để cho đời biết đến tên mình.*”

Sau thời điểm 30-4-1975, cung cách sáng tác của anh vẫn giữ nguyên như cũ.

Ma Xuân Đạo không theo đuổi công việc sáng tạo của một người làm nghệ thuật. Anh viết để giải tỏa trạng thái dồn nén trong tâm tư và ghi lại cảm xúc như những đợt sóng vây hãm xô đẩy vào một phút giây nào đó. Với anh, thơ đã hòa vào nhịp đập của con tim và trở thành hơi thở của bản thân. Thơ được viết ra không với dụng ý nào mà chỉ thể hiện sự sống của chính người viết.

Do đó, thơ Ma Xuân Đạo không khơi dậy mỗi bản khoăn về sự sáng tạo cái đẹp trong kết cấu ngôn từ, không phản ánh những cảnh đời như Tân An, Thạch Hào hay Đồng Quan trong Tam Lại của Đỗ Phủ, không kêu gào, thúc đẩy bất kỳ thái độ sống nào... mà chỉ đơn thuần là lời tâm sự của một con người chìm đắm trong u uất ngẹn ngào:

Tâm tư mấy nỗi khôn bày tỏ

U uẩn tác lòng mãi vấn vương (...)

.....
Lưu đầy góc bể không thân thích

Lưu lạc thành đô mất cố hương.

Dẫu cho trời đất vô cùng rộng

Đâu dễ tìm ra chốn náu nương.

Cảnh bơ vơ ngay giữa quê hương ấy trở nên tột cùng bi thảm khi con người phải từng giây đối mặt với tai ương trùng điệp không khác một cánh chim yếu ớt lạc bầy quay cuồng tuyệt vọng giữa cảnh ngộ vùng vẫy cố thoát khỏi nanh vuốt của đủ mọi loài ác thú đói mồi đang bám riết khắp nơi:

Một cánh chim cô lạc cuối trời

Nẻo về Vân Hán vẫn mù khơi

Rừng hoang hổ báo mùa khan thịt

Bể cả kinh ngư buổi hiếm mồi

Thị tứ lồng son treo khắp chốn

Đồng quê lưới rập bủa đầy nơi.

Qua từng dòng chữ, Ma Xuân Đạo không rời xa thân phận và tâm tư riêng của chính mình. Những cảnh ngộ của nhà thơ lại chính là cảnh ngộ chung của xã hội Việt Nam trong một giai đoạn nhất định với tầm mức bao trùm cuộc sống của hết thầy mọi cá nhân:

*Pháo nổ trên trời vui đấy nhỉ?
Sao không át được lệnh truyền loa
Tiếng loa xoáy tận cùng tim óc
Đất trịch lên đường ngày chẳng xa.*

Hoặc:

*Dâu bể nào không lệ thấm dăng
Khắp trời đâu cũng cảnh ly phân
Người cam xừ lạ làm chim Việt
Kẻ trót thân dư gửi côi Tần.*

Cuộc sống riêng của nhà thơ, vì thế, mặc nhiên trở thành nét khắc sâu đậm về cuộc sống của mọi con người mang chung một thân phận –thân phận sống trên đất Tần. Bởi vì những tai ương trút xuống cho nhà thơ cũng là tai ương trút xuống cho mọi người, những nỗi trầm luân mà nhà thơ phải gánh chịu cũng là nỗi trầm luân mà mọi người phải trải qua.

Ma Xuân Đạo chỉ ghi lại tâm sự của chính mình:

*Lòng đau trước biển dâu bao chuyện
Thân nhọc vì cơm áo mỗi ngày
Mồ lạnh hắt đang chờ tác bóng
Lều con vẫn mãi vượt tầm tay.*

Chỉ diễn tả về cuộc sống trôi dạt của chính bản thân:

*Ngày tháng dong bề nơi trắng vắng
Sớm hôm lê bước dặm đường mòn
Nón mê che khuất trò thua được
Cỏ dại vùi luôn chuyện nước non.*

Đó là nỗi lòng và công việc của nhà thơ trong thời gian bị xô đẩy về một nông trường hẻo lánh vùng đất đỏ Tân Uyên. Nhưng, cảnh trôi dạt này cũng như nỗi lòng kia đâu phải của riêng nhà thơ, vì *sống trên mảnh đất Tần cuối thế kỷ 20* là gần 80 triệu con người đồng loại bị tước đoạt mọi quyền hạn và phẩm chất làm người, vật vờ thoi thóp giữa vòng kiềm tỏa của áp chế, đói nghèo, tù tội, lưu đày và bắn giết.

Cho nên cũng không chỉ riêng nhà thơ mới lâm cảnh lạc loài trên hoang mạc khi đi tìm người thân ngay trên các đường phố cũ:

*Hoang mạc nằm ngay giữa biển người
Đạp xe khắp phố đã mòn hơi
Nhà thì chủ mới, nhà then khóa
Kẻ đã mồ xanh, kẻ dậm khơi.*

Ma Xuân Đạo không cố vẽ những bức tranh đời, không cố mang thời thế vào thơ nhưng TÀN TRUNG TÁC vẫn trở thành một bức chân dung xã hội với những nét khắc đậm đà qua tính chất tự diễn đạt mình chỉ với chính mình. Vì thế mà Hoàng Hải Thủy đã bắt gặp qua thơ Ma Xuân Đạo “tiếng kêu, tiếng than, tiếng khóc của quê hương đang sống trong đày đọa đau thương. Đó là những tiếng quê hương cất lên từ ngày cuối tháng Tư ngót 30 năm trước và kéo dài cho đến bây giờ”:

*Nước cũ lưu vong ngày tháng uổng
Thân già luân lạc, tuổi tên chìm (...)
Bốn phương giông bão xô dài tượng
Sao mãi phương này gió cứ im.*

Rõ ràng đó không chỉ là nỗi chờ mong và mối sầu của riêng một người có tên là Ma Xuân Đạo. Và, TÀN TRUNG TÁC trong vóc dáng một tập thơ cũng chính là một tập hồ sơ thời đại góp phần soi sáng không nhỏ cho mọi ý muốn tìm hiểu thấu triệt hơn về thân phận cũng như tâm tư con người trong giai đoạn lịch sử được vẽ ồn ào bằng đủ loại màu sắc hiện nay của đất nước chúng ta.

Gửi TÀN TRUNG TÁC tới bạn đọc, ngoài ước mong chia sẻ phần nào nỗi lòng của tác giả, tủ sách Tiếng Quê Hương chỉ cố gắng hoàn tất cái công việc tự chọn cho mình là lưu lại những tiếng nói chứng nhân.

(Uyên Thao)

Tủ sách TIẾNG QUÊ HƯƠNG.

□